

Bản án số: **19/2024/KDTM-ST**

Ngày: 21/06/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Thành

2. Bà Bùi Thị Hảo

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông
Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 51/2023/TLST-KDTM ngày 21/11/2023 về việc: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX-KDTM ngày 13/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐHPT-KDTM ngày 31/5/2024.

** Nguyên đơn:* Công ty TNHH P ; trụ sở: Lô Đ, Khu công nghiệp T, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An do ông Nhan Hiến H – Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật. *Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Minh L (*Giấy ủy quyền số 01/QĐ/UQ/PTH/2023 ngày 01/3/2023 của ông Nhan Hiến H*) (có mặt).

** Bị đơn:* Công ty TNHH Nông trại S ; trụ sở: số M, ngõ D, phường N, Long Biên, Hà Nội do bà Hoàng Thu H - Giám đốc đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, Công ty TNHH P do ông Nguyễn Minh L diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/08/2022, Công ty TNHH P và Công ty TNHH Nông trại S có ký Hợp đồng nguyên tắc (V/v bán sản phẩm) số 01/HĐKT/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S. Thực hiện hợp đồng và căn cứ theo hai đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/08/2022 và số 002/2022 ngày 15/09/2022, Công ty P đã hoàn thiện và bàn giao hàng hoá cho công ty S cũng như xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho đơn hàng đã sản xuất. Tuy nhiên, Công ty TNHH S đã không tuân thủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty TNHH nông trại S còn nợ Công ty P số tiền mua hàng thùng giấy Carton số tiền như sau:

1) Số tiền hàng đã giao theo bản xác nhận công nợ là: 147.101.264 đồng

2) Số tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận, nên buộc công ty S phải bồi thường là 59.193.200 đồng.

Tổng số tiền công ty P buộc công ty S phải trả là: 206.294.464 đồng. Công ty P không tính lãi cho số tiền nêu trên.

Sau khi Công ty S vi phạm điều khoản thanh toán đã ký trên hợp đồng phía Công ty P đã gửi thư thông báo và nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở thời hạn thanh toán. Nhưng đại diện công ty S cố tình lẩn tránh, bà Hà Giám đốc công ty S chặn điện thoại không nghe máy từ phía nguyên đơn. Số điện thoại 0902.140.414 của bà Hoàng Thu Hà – Giám đốc đại diện pháp luật công ty S vẫn vẫn còn hoạt động bình thường. Thông qua các mối quan hệ cung cấp hàng cho bà Hà như vừa chanh anh Cường ở Bến Lức, Long An, số điện thoại 0988229882 thì nguyên đơn được biết Công ty S do bà Hà làm Giám đốc vẫn còn hoạt động và làm ăn trên địa bàn Hà Nội nhưng cố tình lẩn tránh. Bà Hà đăng ký kinh doanh và đặt trụ sở công ty TNHH nông trại S tại quận Long Biên.

Công ty Công ty P đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH S thanh toán trả cho Công ty P số tiền nợ của 2 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/08/2022; số 002/2022 ngày 15/09/2022 theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc đã ký là 206.294.464 đồng. Công ty TNHH P không yêu cầu công ty S phải trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty P đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Nông trại S phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 21/06/2024 là: 206.294.464 đồng, cụ thể:

- 1) Số tiền hàng đã giao theo bản xác nhận công nợ là: 147.101.264 đồng
- 2) Số tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận, công ty P buộc công ty S phải bồi thường là: 59.193.200 đồng.

Công ty P không yêu cầu tính lãi cho số tiền nợ đã nêu trên.

***Về phía bị đơn:** Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH Nông trại S từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của Pháp luật nhưng Công ty TNHH Nông trại S không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Do Công ty TNHH Nông trại S không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên có quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là Công ty TNHH Nông trại S mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các điều 30, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 235, 244, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đối với Công ty TNHH Nông trại S về tranh chấp hợp mua bán hàng hoá tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Buộc Công ty TNHH Nông trại S phải thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền nợ gốc còn thiếu theo Hợp đồng nguyên tắc (V/v bán sản phẩm) số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S và căn cứ theo số liệu của 2 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022 và số 002/2022 ngày 15/9/2022. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH P và Công ty TNHH Nông trại S có ký 01 Hợp đồng nguyên tắc (v/v bán sản phẩm) số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S; Sau khi ký hợp đồng thì phía Công ty S đã gửi 02 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022 và số 002/2022 ngày 15/9/2022. Việc ký hợp đồng kinh tế là phục vụ mục đích kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán hàng hoá được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.2. Về thẩm quyền: Bị đơn là Công ty TNHH Nông trại S có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số trụ sở: số 42M, ngõ 359 Ngọc Thuy, phường Ngọc Thuy, Long Biên, Hà Nội, do bà Hoàng Thu Hà - Giám đốc đại diện theo pháp luật, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu: Ngày 20/08/2022 hai bên ký hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S; công việc được tiến hành theo 02 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022 và số 002/2022 ngày 15/9/2022 của Công ty TNHH Nông trại S. Nguyên đơn xuất trình bảng đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày đến 30/11/2022. Ngày 09/03/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án quận Long Biên, như vậy việc Tòa án thụ lý vụ kiện là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thời hiệu khởi kiện vẫn nằm trong quy định của luật Thương mại cũng như Luật dân sự.

1.4. Về việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

1.5. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và không có người đại diện đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty TNHH P và Công ty TNHH Nông trại S có ký kết 01 hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S; công việc được tiến hành theo 02 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022 và số 002/2022 ngày 15/9/2022. Tổng giá trị đã xuất hoá đơn và chốt công nợ là 147.101.264 đồng. Xét nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đại diện Công ty TNHH P là ông Nhan Hiến H, chức vụ: Tổng Giám đốc; đại diện Công ty TNHH Nông trại S là bà Hoàng Thu Hà, chức vụ: Giám đốc. Như vậy hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 được ký kết bởi người có thẩm quyền, đã tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật về Dân sự và luật Thương mại. Do vậy hợp đồng hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 có giá trị pháp lý và buộc các bên phải tuân thủ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã triển khai thực hiện và hoàn thành số lượng được giao theo đơn đặt hàng đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng, xuất hoá đơn giá trị gia tăng và bàn giao hàng hoá, thể hiện qua các phiếu xuất kho. Sau khi hai bên chốt Biên bản đối chiếu công nợ công nợ ngày 30/11/2022, số tiền nợ của bị đơn là: 147.101.264 đồng. Sau khi hai bên chốt công nợ, bị đơn không thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn dẫn tới ngày 09/03/2023 nguyên đơn làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận Long Biên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S theo 02 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022 và số 002/2022 ngày 15/9/2022 là 147.101.264 đồng và yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận là 59.193.2000 đồng. Tổng là 206.294.464 đồng. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, bị đơn không liên lạc và không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác cho nguyên đơn.

Căn cứ lời khai nguyên đơn thì công việc đã hoàn thành và đã được xuất kho, xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo đúng thoả thuận của hợp đồng. Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S được hoàn thành, tuy nhiên sau khi được xuất hoá đơn giá trị gia tăng và yêu cầu thanh toán thì công ty S chưa thanh toán cho công ty P nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty S có nghĩa vụ phải thanh quyết toán các khoản nợ còn thiếu theo đúng thoả thuận trong hợp đồng, tại Điều 3 của hợp đồng ký giữa hai bên và đúng theo quy định của pháp luật. Do đó Công ty P khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Công ty TNHH Nông trại S thanh toán công nợ còn thiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 về việc cung cấp, in ấn thùng carton cho Công ty TNHH S theo 02 đơn đặt hàng mua thùng giấy carton số 001/2022 ngày 19/8/2022, số 002/2022 ngày 15/9/2022 là 147.101.264 đồng và yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận 59.193.2000 đồng. Tổng 206.294.464 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- **Về yêu cầu lãi chậm thanh toán:** Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 được quyết toán như sau:

Giá trị hợp đồng là 147.101.264 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này phù hợp với hợp đồng, với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- **Về tiền phạt và bồi thường do chậm thanh toán:**

Xét việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán thấy rằng: Tại Điều 5: Điều khoản chung của hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 các bên có thỏa thuận về việc phải chịu phạt và bồi thường theo quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu mức lãi chậm thanh toán mà yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Nhận thấy: Nguyên đơn không yêu cầu về phạt do chậm thanh toán trong hợp đồng nhưng nguyên đơn có yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận là 59.193.2000 đồng, yêu cầu này có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 206.294.464 đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 147.101.264 đồng; yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận là: 59.193.2000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quận Long Biên: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Công ty TNHH Nông trại S phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Công ty TNHH P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4.3 Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 302, 317, 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đối với Công ty TNHH Nông trại S .

2. Buộc Công ty TNHH Nông trại S phải thanh toán cho Công ty TNHH P tổng số tiền theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐKT/2022 ngày 20/08/2022 tính đến ngày 21/06/2024 là 206.294.464 đồng;

Trong đó: số tiền nợ gốc là 147.101.264 đồng; yêu cầu bồi thường tiền hàng đã sản xuất nhưng không nhận là: 59.193.200 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH Nông trại S phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là **10.315.000 đồng**.

Trả lại cho Công ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **5.1570.000 đồng** theo biên lai số 0018350 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo:

- Công ty TNHH P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Công ty Công ty TNHH Nông trại S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh